TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
- Bà Vương Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị Hoài A, sinh năm 1983; thường trú: thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện nay: 4, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: ông Đoàn Quang V, sinh năm 1980; thường trú: thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện nay: 4, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng ông bà tự nguyện tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hưng Yên).

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, ông V thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến đánh đập vợ, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2025 cho đến nay. Nay, bà Nguyễn Thị Hoài A xác định không còn tình cảm với ông Đoàn Quang V nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Đoàn Phi H, sinh ngày 02/10/2004 và Đoàn Thanh T, sinh ngày 03/7/2014. Bà Nguyễn Thị Hoài A yêu cầu sau ly hôn con chung là cháu Đoàn Thanh T sẽ do ông Đoàn Quang V trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Hoài A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Còn con chung là cháu Đoàn Phi H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà Nguyễn Thị Hoài A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn ông Đoàn Quang V trình bày:*

Thống nhất về việc vợ chồng tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn, do bà Nguyễn Thị Hoài A thường xuyên nhắn tin qua lại với người khác, còn nhắn tin với ai thì ông không biết, dẫn đến vợ chồng cãi nhau và ông có đánh đập vợ, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2025 cho đến nay. Ông V vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung là cháu Đoàn Phi H, sinh ngày 02/10/2004 và Đoàn Thanh T, sinh ngày 03/7/2014. Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, Tòa án cho ly hôn thì con chung là cháu Đoàn Thanh T sẽ do ông trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng ông chưa có ý kiến. Còn con chung là cháu Đoàn Phi H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: ông Đoàn Quang V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 10/9/2025 và ngày 29/9/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa ngày 10/9/2025 và ngày 29/9/2025 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 20/9/2004, theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2004, quyển số 02 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Nguyên đơn xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, ông V thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến đánh đập vợ, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2025 cho đến nay, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn nên yêu cầu ly hôn. Còn phía bị đơn xác định nguyên đơn mâu thuẫn là do nguyên đơn thường nhắn tin qua lại với người khác, còn nhắn tin với ai thì bị đơn không biết dẫn đến vợ chồng cãi nhau, nguyên đơn đánh bị đơn, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2025 cho đến nay, bị đơn vẫn còn tình cảm với nguyên đơn nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, về nguyên nhân mâu thuẫn, bản thân bị đơn cũng thừa nhận việc hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bị đơn đánh đập nguyên đơn, mặc dù bị đơn trình bày xuất phát từ việc nguyên đơn thường xuyên nhắn tin qua lại với người khác nhưng vấn đề này bị đơn không chứng minh được cụ thể nguyên đơn nhắn tin với ai và nội dung tin nhắn là gì, đồng thời vợ chồng ly thân từ tháng 5/2025 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 02 con chung là cháu Đoàn Phi H, sinh ngày 02/10/2004 và Đoàn Thanh T, sinh ngày 03/7/2014. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Nguyên đơn yêu cầu sau ly hôn bị đơn trực tiếp nuôi cháu Đoàn Thanh T, bị đơn cũng có nguyện vọng nuôi cháu T, hơn nữa nguyện vọng của cháu T mong muốn được chung sống với ông V. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trực tiếp nuôi cháu T là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Còn con chung là cháu Đoàn Phi H đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng: bị đơn không có ý kiến gì về việc yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con, còn nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 2.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài A về việc ly hôn, nuôi con với ông Đoàn Quang V.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hoài A được ly hôn với ông Đoàn Quang V (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 09/2004, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Hưng Yên) cấp ngày 20/9/2004).

- Về con chung: bà Nguyễn Thị Hoài A có trách nhiệm giao con chung là cháu Đoàn Thanh T, sinh ngày 03/7/2014 cho ông Đoàn Quang V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Hoài A cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thanh T mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đoàn Thanh T đủ 18 tuổi. Còn con chung là cháu Đoàn Phi H đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị Hoài A có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, ông Đoàn Quang V không có quyền cản trở bà Nguyễn Thị Hoài A thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Hoài A chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005902 ngày 28/7/2025 của Phòng Thi

hành án dân sự khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hoài A còn phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy